

Số: /GPMT-UBND Đăk Lăk, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Đầu tư cơ sở hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 01459/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đăk Lăk;

Xét Văn bản số 06/BQLĐTHT ngày 13/3/2026 của Ban Quản lý đầu tư hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án: Đầu tư cơ sở hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên (giai đoạn 1);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại Tờ trình số 262/TTr-SNNMT ngày 03/4/2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý đầu tư hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên (sau đây viết tắt là Ban Quản lý), địa chỉ 159

Lạc Long Quân, phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: Đầu tư cơ sở hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên (giai đoạn 1), địa chỉ thôn Thạnh Lâm, xã Phú Hoà 2, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Đầu tư cơ sở hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên (giai đoạn 1).

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Thạnh Lâm, xã Phú Hoà 2, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Quyết định thành lập số 1426/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) về việc thành lập Ban quản lý đầu tư hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên.

1.4. Mã số thuế: 4401025961.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Hạ tầng kỹ thuật, công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; phân khu chức năng, loại hình đầu tư (theo Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 01/11/2018 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây), gồm:

- Khu trung tâm, quản lý, dịch vụ công nghệ cao;
- Khu nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm và trình diễn mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;
- Khu đào tạo, chuyển giao công nghệ, trình diễn và giới thiệu sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ.
- Khu đầu tư sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ (gồm các tiểu khu: tiểu khu sản xuất cây trồng, tiểu khu sản xuất vi sinh, tiểu khu sản xuất giống cây lâm nghiệp, tiểu khu chăn nuôi, tiểu khu trồng cây ăn trái kết hợp du lịch sinh thái, tiểu khu kho bãi và chế biến).
- Khu lâm viên và phục vụ dân sinh (gồm: tiểu khu thứ nhất (ký hiệu F-F1) với chức năng chính là khu công viên cây xanh - thể dục thể thao, tiểu khu thứ hai (ký hiệu F-F2): công trình dịch vụ công cộng, cung cấp các sản phẩm dịch vụ tiện ích cho khu vực, khu công viên cây xanh,...).
- Khu công trình hạ tầng kỹ thuật đầu môi: Hồ chứa nước Lỗ Chài 1; hồ điều tiết nước chống hạn; khu xử lý nước thải; đường giao thông, sân bãi; kênh mương thoát nước bố trí dọc theo các tuyến giao thông chính; hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tổng diện tích: 66,45 ha.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

3. Nội dung xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh:

Dự án không thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 07/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý đầu tư hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Ban Quản lý đầu tư hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi ô nhiễm tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 7 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Phú Hoà 2 tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - CT và các PCT UBND tỉnh;
 - Sở Nông nghiệp và Môi trường;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
 - TTCN và Công thông tin điện tử tỉnh;
 - UBND xã Phú Hoà 2;
 - BQL đầu tư hạ tầng KNNƯDCNC Phú Yên;
- (Đ/c: 159 Lạc Long Quân, phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk)*
- Lưu VT, NNMT (Nhat-2b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ khu vực chế biến;
- Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực chăn nuôi;
- Nguồn số 03: Nước thải từ khu vực văn phòng quản lý trạm xử lý nước thải.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau xử lý xả thải ra suối Mốc.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Suối Mốc thuộc thôn Thạnh Lâm, Phú Hoà 2, tỉnh Đắk Lắk.
- Toạ độ vị trí xả thải: X= 1449202.49; Y=574953.78 (Hệ toạ độ VN - 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3°).
- Điểm xả thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $300 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau hệ thống xử lý tập trung chảy qua mương quan trắc nước thải và xả ra suối Mốc thôn Thạnh Lâm, Phú Hoà 2, tỉnh Đắk Lắk.
- Hình thức xả: Tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 40		
3	COD	mg/L	≤ 65		
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	≤ 40		
5	Tổng Nitơ	mg/L	≤ 20		
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	≤ 5,0		
7	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	≤ 8,0		
8	Độ màu	Pt/Co	≤ 50		
9	Clo dư	mg/L	≤ 1,0		
10	Tổng Coliform	MPN/100ml	≤ 3000		

Ghi chú: Khuyến khích chủ đầu tư ứng dụng thiết bị hiện đại thực hiện quan trắc chất lượng nước thải phục vụ tự lưu trữ dữ liệu quan trắc, theo dõi diễn biến chất lượng nước thải sau xử lý nhằm chủ động triển khai các giải pháp quản lý.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn 01: Nước thải phát sinh từ khu vực chế biến, xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối nước thải của Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên, được thu gom về bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn 02: Nước thải phát sinh từ khu vực chăn nuôi, xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối nước thải của Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên, được thu gom về bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh văn phòng quản lý trạm xử lý nước thải tập trung được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó đưa về bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu nông nghiệp ứng dụng

công nghệ cao Phú Yên có 01 mô đun xử lý nước thải với công suất thiết kế 300 m³/ngày (24 giờ).

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải (khu vực chăn nuôi, khu vực chế biến, nước thải sinh hoạt) → Bể gom → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể kỵ khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể phản ứng → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hoá lý → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận nước thải.

- Công suất: 300 m³/ngày (24 giờ).

- Hoá chất sử dụng: NaOH, hoá chất keo tụ tạo PAC 30%, Clorin (hoặc hoá chất tương đương khác, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng bắt buộc lắp đặt quan trắc tự động liên tục theo quy định tại số thứ tự 01 Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Không có.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Biện pháp phòng ngừa sự cố:

+ Thường xuyên kiểm tra hoạt động phát sinh nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp, kiểm tra chất lượng nước thải trước khi đầu nối. Lập danh sách các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm, định kỳ hoặc đột xuất lấy mẫu kiểm tra nước thải các doanh nghiệp này.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải.

+ Thường xuyên kiểm tra các đường ống, thiết bị để kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Quy trình ứng phó sự cố:

+ Trường hợp lượng nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận, điều chỉnh giảm lưu lượng nước thải đi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung, lượng nước thải còn lại được bơm về bể điều hòa để tiếp tục xử lý. Nước thải từ bể điều hòa sẽ được điều tiết bơm quay trở lại hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý với lưu lượng phù hợp.

+ Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, đóng van xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận, nước thải vượt quy chuẩn bơm về bể điều hòa để tiếp tục xử lý. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ công trình ứng phó sự cố được bơm quay trở lại hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí nhân viên chuyên trách vận hành và theo dõi hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải luôn được vận hành theo đúng quy trình đã ban hành.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2025/BTNMT, Cột B)
1	pH	-	6 - 9
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 80
3	COD	mg/L	≤ 90
4	BOD ₅	mg/L	≤ 60
5	Tổng nitơ	mg/L	≤ 40
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	≤ 10
7	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	≤ 6,0
8	Độ màu	Pt/Co	≤ 100
9	Clo dư	mg/L	≤ 2,0
10	Coliform	MPN/100ml	≤ 5.000

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ban hành.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: công trình xử lý nước thải công suất 300 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 điểm (01 điểm tại vị trí bể gom và 01 điểm tại vị trí sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung).

2.2.3. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên bảo đảm đáp ứng quy định về

giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận theo quy định.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải sau xử lý theo đúng quy định về bảo vệ môi trường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn; phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường; đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.3. Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Có đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào, nước thải đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải gồm: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành được lưu giữ để thuận lợi trong việc kiểm tra theo dõi.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm, nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

3.6. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm, Ban quản lý phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét theo quy định.

3.7. Rà soát, xây dựng kế hoạch và triển khai các giải pháp để chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A). Trường hợp có các thay đổi so với Giấy phép môi trường này, Ban Quản lý phải báo cáo UBND tỉnh Đắk Lắk (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được chấp thuận.

3.8. Ban Quản lý chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn**

- Nguồn số 01: Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: QCVN 26:2025/BNNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau

2.1. Tiếng ồn:

T T	Thời gian áp dụng trong khoảng thời gian và mức ồn cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 18 giờ	Từ 18 giờ đến 22 giờ	Từ 22 giờ đến 6 giờ		
1	70	65	60	-	Khu vực E

2.2. Độ rung:

T T	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc của dự án để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Lỏng	10
2	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Rắn	2,0
Tổng cộng				12

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn từ bể tự hoại	20
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	30
3	Bùn, cát nạo vét từ hố ga thu gom nước mưa	100
Tổng cộng		150

1.3. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	8,0
2	Hóa chất bị hư hỏng, hết hạn	0,3
Tổng cộng		8,3

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 2,0 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Kho lưu chứa: Kho có mái che, tường bao quanh, nền bê tông, có gờ chống tràn và có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định. Bên ngoài có gắn biển báo theo quy định

- Diện tích kho lưu chứa khoảng 80 m².

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải phải kiểm soát:

Bố trí thùng chứa chất thải theo quy định và được lưu trữ ở khu vực lưu trữ riêng trong kho chất thải nguy hại.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn công nghiệp kiểm soát, chất thải sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường, chất thải rắn kiểm soát và chất thải nguy hại phù hợp với khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường

sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

3. Chủ dự án có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong báo cáo đề nghị cấp Giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG/GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình và các yêu cầu, không còn hạng mục, công trình tiếp tục thực hiện

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn điện, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo với cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các

văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

Phụ lục 5**XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Dự án không thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 07/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ./.